

Số: **25** /2016/QĐ-UBND

Bắc Ninh, ngày **27** tháng 5 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc áp dụng mức thu và quy định về chế độ quản lý,
sử dụng lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Hộ tịch năm 2014;

Căn cứ Pháp lệnh Phí và lệ phí năm 2001;

Căn cứ Thông tư số 02/2014/TT-BTC ngày 02/01/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Thông tư số 179/2015/TT-BTC ngày 13/11/2015 của Bộ Tài Chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 02/2014/TT-BTC ngày 02/01/2014 hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị quyết số 119/2014/NQ-HĐND17 ngày 24/4/2014 của HĐND tỉnh Bắc Ninh về việc thu phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh;

Căn cứ Nghị quyết số 226/2016/NQ-HĐND17 ngày 14/4/2016 của HĐND tỉnh Bắc Ninh về việc sửa đổi, bổ sung quy định về lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh ban hành kèm theo Nghị quyết số 119/2014/NQ-HĐND17 ngày 24/4/2014;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Áp dụng thu lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh theo các mức thu tại Nghị quyết số 226/2016/NQ-HĐND17 ngày 14/4/2016 của HĐND tỉnh Bắc Ninh. Cụ thể như sau:

1. Đối với các việc đăng ký hộ tịch tại UBND cấp xã:
 - a) Khai sinh quá hạn, đăng ký lại khai sinh: 8.000 đồng.
 - b) Khai tử quá hạn, đăng ký lại khai tử: 8.000 đồng.
 - c) Đăng ký lại kết hôn: 30.000 đồng.
 - d) Nhận cha, mẹ, con: 15.000 đồng.
 - đ) Cấp bản sao trích lục hộ tịch: 3.000 đồng/bản.

e) Thay đổi, cải chính hộ tịch cho người chưa đủ 14 tuổi; bổ sung hộ tịch: 15.000 đồng.

g) Cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân: 15.000 đồng.

h) Ghi vào Sổ hộ tịch việc thay đổi hộ tịch của cá nhân theo bản án, quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền: 8.000 đồng.

i) Xác nhận hoặc ghi vào Sổ hộ tịch các việc hộ tịch khác hoặc đăng ký hộ tịch khác: 8.000 đồng.

2. Đối với các việc đăng ký hộ tịch tại UBND cấp huyện:

a) Khai sinh: 75.000 đồng.

b) Khai tử: 75.000 đồng.

c) Kết hôn: 1.500.000 đồng.

d) Giám hộ: 75.000 đồng.

đ) Nhận cha, mẹ, con: 1.500.000 đồng.

e) Cấp bản sao trích lục hộ tịch: 8.000 đồng/bản.

g) Thay đổi, cải chính hộ tịch, bổ sung hộ tịch, xác định lại dân tộc: 28.000 đồng.

h) Ghi vào Sổ hộ tịch việc hộ tịch của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài: 75.000 đồng.

i) Xác nhận hoặc ghi vào Sổ hộ tịch các việc hộ tịch khác hoặc đăng ký hộ tịch khác: 75.000 đồng.

3. Đối với việc cấp bản sao trích lục hộ tịch tại Sở Tư pháp: 8.000 đồng/bản.

4. Miễn lệ phí hộ tịch trong các trường hợp sau:

a) Đăng ký hộ tịch cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.

b) Đăng ký khai sinh, khai tử đúng hạn, giám hộ, kết hôn thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã.

Điều 2. Quy định về chế độ quản lý, sử dụng lệ phí hộ tịch:

1. Cơ quan thu lệ phí (Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp, UBND cấp xã) được trích 20% trên tổng số lệ phí thu được để chi cho các hoạt động phục vụ cho việc tổ chức thu lệ phí, đăng ký hộ tịch. Số thu còn lại (80%) phải nộp vào Ngân sách Nhà nước theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Nội dung chi lệ phí hộ tịch được trích lại:

a) Làm nguồn bù chênh lệch tăng lương cơ bản;

b) Chi trả phụ cấp làm đêm, làm thêm giờ cho cán bộ trực tiếp làm công tác đăng ký hộ tịch theo chế độ quy định (nếu có);

c) Chi phí in ấn, mua sắm biểu mẫu, sổ sách hộ tịch;

d) Chi hỗ trợ việc xác minh (khi phải phối hợp với các cơ quan khác) chi niêm yết, thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng;

đ) Trích quỹ khen thưởng cho cán bộ có thành tích trong quản lý, đăng ký hộ tịch. Mức trích quỹ khen thưởng bình quân một năm cho một người tối đa không quá 03 tháng lương.

3. Cơ quan, đơn vị tổ chức thu lệ phí phải lập dự toán thu - chi lệ phí đăng ký hộ tịch hàng năm, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt. Cơ quan, đơn vị tổ chức thu lệ phí phải mở sổ sách theo dõi và quyết toán số lệ phí thu được theo quy định hiện hành.

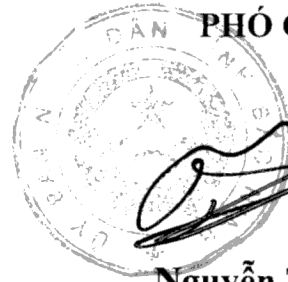
Điều 3. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Điều 4. Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Tư pháp, các Sở, ngành có liên quan; Cục Thuế tỉnh Bắc Ninh, Kho bạc Nhà nước tỉnh Bắc Ninh; Chủ tịch UBND cấp huyện; Chủ tịch UBND cấp xã; các tổ chức và cá nhân có liên quan căn cứ quyết định thi hành./

Nơi nhận:

- Nhu Điều 4;
- VP. Chính phủ (b/c);
- Các Bộ: Tư pháp, Tài chính (b/c);
- TT.Tỉnh ủy, TT.HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT.UBND tỉnh;
- Công báo tỉnh, Công TTĐT tỉnh;
- Báo Bắc Ninh, Đài PTTH tỉnh;
- Lưu: VT, NC, CVP.

**TM. UBND TỈNH
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tiến Nường